

Số: 69/2014/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 03 tháng 4 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, chính sách phòng,
chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh đến năm 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHOÁ XIII
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004; Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2006; Luật Phòng chống ma túy sửa đổi, bổ sung năm 2008; Khoản 6, Điều 10 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 14/03/2014 của UBND tỉnh Về việc ban hành Nghị quyết về chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 368/BC-HĐND ngày 26/3/2014 của Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh và tổng hợp ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, chính sách đẩy mạnh công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh đến năm 2015:

A. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

I. MỤC TIÊU

1. Tiếp tục nâng cao hơn nữa nhận thức và vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, các tổ chức, đơn vị, các đoàn thể và nhân dân về hiểm họa của tệ nạn ma túy, lây nhiễm HIV/AIDS đối với đời sống xã hội. Xác định công tác phòng chống ma túy là một trong những nhiệm vụ chiến lược, cấp bách và thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn dân. Kiên định thực hiện tư tưởng chỉ đạo *“tập trung, thống nhất, toàn dân, toàn diện, kiên trì phòng chống ma túy”*, phương châm *“dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”* và hành động *“toàn dân đoàn kết xây dựng bản, tiểu khu, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, trường học và gia đình không có ma túy”*.

2. Không để phát sinh, tái phát điểm tệ nạn ma túy; kiên quyết đấu tranh triệt xóa tất cả các điểm tệ nạn ma túy; triệt phá các đường dây mua bán, vận chuyển, thâm lậu, trung chuyển ma túy từ bên ngoài vào địa bàn tỉnh; không trồng cây có chứa chất ma túy. Không để phát sinh người nghiện ma túy mới;

tăng cường công tác quản lý sau hỗ trợ cắt cơn nghiện, cai nghiện; hạn chế đến mức thấp nhất người tái nghiện ma túy; từng bước thực hiện xã hội hoá công tác cai nghiện ma túy. Đến năm 2015, khống chế tỷ lệ người nghiện ma túy trong danh sách quản lý dưới 0,1% dân số toàn tỉnh; hỗ trợ vốn, tạo việc làm ổn định cho tối thiểu 30% số người sau chữa trị cai nghiện không tái nghiện.

3. Sử dụng mọi biện pháp ngăn chặn nguồn cung cấp ma túy từ bên ngoài vào địa bàn tỉnh; vận động toàn dân thường xuyên tố giác và tích cực tham gia đấu tranh với tội phạm ma túy; kiên quyết đấu tranh, triệt xoá tất cả các điểm tệ nạn ma túy, bóc gỡ các đường dây mua bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng trái phép các chất ma túy. Bàn giao địa bàn sạch về ma túy cho chính quyền các cấp quản lý, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu và thành tiêu chí trong việc xét các danh hiệu thi đua hàng năm.

4. Xoá bỏ việc trồng và tái trồng cây có chất ma túy, thực hiện lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng sản xuất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, góp phần nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân. Kiểm soát và quản lý chặt chẽ việc lưu thông, sử dụng các tiền chất, chất gây nghiện, chất hướng thần.

5. Thực hiện từng bước vững chắc đẩy lùi và xoá bỏ tệ nạn ma túy ra khỏi đời sống xã hội, tạo môi trường lành mạnh góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội vì cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân các dân tộc tỉnh. Đến năm 2015: 100% xã, phường, thị trấn, bản, tiểu khu, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học đạt hoặc cơ bản đạt tiêu chuẩn không có ma túy; trong đó có 90% đạt tiêu chuẩn không có ma túy.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Các cơ quan, các tổ chức, đơn vị, các đoàn thể nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá đúng tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng chống ma túy, làm rõ những tồn tại, yếu kém của địa phương, đơn vị mình; phân tích nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan của những tồn tại, yếu kém; xây dựng kế hoạch cụ thể và có biện pháp khắc phục ngay những tồn tại, yếu kém, bắt cập trong lãnh đạo, chỉ đạo phòng chống và kiểm soát ma túy trong thời gian qua.

1.2. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống và kiểm soát ma túy, trọng tâm là công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục; tổ chức cai nghiện, cai tái nghiện và quản lý sau cai nghiện; đấu tranh kiên quyết với tội phạm ma túy; giữ vững và xây dựng đơn vị không có ma túy...; đưa công tác phòng chống và kiểm soát ma túy là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện của cả hệ thống chính trị.

1.3. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra toàn diện việc thực hiện công tác phòng chống ma túy; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành để phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức trong hệ thống chính trị và kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá

trình thực hiện của các cấp, các ngành. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến.

1.4. Động viên, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống ma túy.

1.5. Quy định cụ thể về trách nhiệm của người đứng đầu và của từng cán bộ, công chức, viên chức trong công tác phòng chống ma túy; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức vi phạm hoặc có người thân cùng sống chung trong gia đình liên quan đến ma túy hoặc dung túng, bao che cho tội phạm ma túy. Đưa kết quả công tác phòng, chống ma túy thành chỉ tiêu trong đánh giá công tác năm của cá nhân và tập thể.

1.6. củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo 2968 từ tỉnh đến cơ sở; bổ sung quy chế hoạt động, xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên. Bố trí cán bộ làm công tác phòng chống ma túy từ **huyện** đến tỉnh có phẩm chất chính trị tốt, trách nhiệm cao, tinh thông về chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ; có chính sách đặc thù đối với cán bộ chuyên trách phòng chống ma túy các cấp; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ làm công tác phòng chống ma túy.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục

2.1. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng chống ma túy qua các phương tiện thông tin đại chúng, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp, nhất là tập trung vào những đối tượng và những vùng có nguy cơ cao liên quan đến ma túy; tuyên truyền về tác hại, hiểm họa ma túy, các quy định của pháp luật về phạm tội ma túy; gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến... để mọi người thấy rõ tầm quan trọng của công tác phòng chống ma túy; từ đó nêu cao tinh thần tự giác tham gia tích cực đấu tranh với tệ nạn ma túy, giúp đỡ người sau cai nghiện tái hoà nhập cộng đồng.

2.2. Tăng cường triển khai đồng bộ và sâu rộng đến nhân dân bằng nhiều loại hình thông tin, tuyên truyền về nhiệm vụ phòng, chống ma túy trên địa bàn toàn tỉnh; xây dựng các mô hình thích hợp và hiệu quả đối với từng vùng, từng đối tượng. Thực hiện việc lồng ghép thông tin, tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục phòng chống ma túy với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng và công tác xây dựng hệ thống chính trị các cấp.

2.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục giáo viên, học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên trong việc tham gia phòng chống ma túy; đưa nội dung giáo dục phòng chống ma túy vào chương trình học ngoại khóa và các buổi sinh hoạt lớp của các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học nghề, cao đẳng, đại học, các trung tâm giáo dục thường xuyên.

3. Tập trung cao cho công tác đấu tranh với tội phạm về ma túy

3.1. Phát huy vai trò và tăng cường năng lực của các ngành, các lực lượng chức năng nhất là với lực lượng chuyên trách phòng chống ma túy của địa phương theo hướng củng cố, kiện toàn và trang bị các điều kiện cho các lực lượng này có đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ hiệu quả hơn trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy.

3.2. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng phòng chống ma túy của Trung ương và các tỉnh trong khu vực, các tỉnh giáp ranh để điều tra cơ bản, nắm chắc tình hình, lập chuyên án kiên quyết đấu tranh triệt phá hoạt động của các đường dây, tổ chức mua bán, tàng trữ vận chuyển ma túy trái phép.

3.3. Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm, hình thành cơ chế trao đổi thông tin, liên lạc, giao ban với lực lượng phòng chống ma túy các tỉnh Hòa Bình, Lào Cai và các tỉnh Bắc Lào, kết hợp với tăng cường và nâng cao hiệu quả tuần tra, kiểm soát khu vực biên giới, vận động quần chúng để ngăn chặn có hiệu quả tội phạm buôn bán vận chuyển ma túy qua biên giới.

3.4. Thường xuyên vận động nhân dân tích cực tham gia tố giác tội phạm ma túy; giao lực lượng công an, biên phòng rà soát xác minh các điểm, đối tượng buôn bán ma túy có biểu hiện hoạt động; phân loại mức độ của từng điểm tệ nạn ma túy để phân công lực lượng phù hợp, xây dựng phương án, giao chỉ tiêu để thực hiện triệt xóa tất cả các điểm bán lẻ hoặc chứa chấp sử dụng các chất ma túy, nhất là những điểm tệ nạn ma túy gây bức xúc trong nhân dân. Tổ chức bàn giao địa bàn sạch về ma túy cho chính quyền cơ sở quản lý không để tái phát và phát sinh các điểm tệ nạn ma túy mới.

3.5. Thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng; đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và phát triển các cây con đối với những vùng trước đây trồng cây thuốc phiện, góp phần xóa đói, giảm nghèo, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, phá nhỏ kịp thời diện tích trồng cây có chứa chất ma túy; xử lý theo quy định của pháp luật đối với người trồng cây có chứa chất ma túy.

3.6. Kiểm soát và quản lý chặt chẽ việc lưu thông, sử dụng các tiền chất, chất gây nghiện, chất hướng thần; thường xuyên kiểm tra chặt chẽ các cơ sở khám chữa bệnh, các đơn vị và cá nhân kinh doanh thuốc chữa bệnh để kịp thời phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả việc mua bán trái phép, thẩm lậu các tiền chất gây nghiện ra đời sống xã hội.

4. Kiên trì điều trị, phục hồi chức năng cho người nghiện và nâng cao hiệu quả quản lý sau cai nghiện ma túy.

4.1. Tập trung đầu tư nâng cấp các trung tâm giáo dục lao động; xây dựng các trung tâm giáo dục lao động thực sự trở thành trung tâm điều trị - phục hồi chức năng - giáo dục - lao động - học nghề có hiệu quả cho người nghiện ma túy. Thực hiện đề án quản lý sau cai tại Trung tâm giáo dục lao động tỉnh; hình thành cơ sở sản xuất trực thuộc các trung tâm giáo dục lao động.

4.2. Thường xuyên vận động nhân dân tích cực tham gia phát giác người nghiện, người tái nghiện ma túy; thực hiện rà soát, xác minh, sàng lọc, kết luận đúng quy trình; tổ chức cai nghiện ma túy cho tất cả những người nghiện ma túy, người tái nghiện ma túy. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp tham gia vào công tác xã hội hoá cai nghiện ma túy. Tăng cường công tác quản lý, dạy nghề, hỗ trợ cho vay vốn sản xuất, hỗ trợ giải quyết việc làm phù hợp cho người sau cai nghiện. Phân công cán bộ, đoàn viên, hội viên, công an viên, nhóm liên gia tự quản phối hợp cùng gia đình động viên, giúp đỡ, tạo điều kiện giúp người sau cai sớm hoà nhập cộng đồng, chống tái nghiện.

4.3. Đẩy mạnh triển khai ứng dụng các bài thuốc cai nghiện, phục hồi chức năng, chống tái nghiện, phương pháp y học hiện đại với y học dân tộc đã được Bộ Y tế, Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế cho phép để nâng cao hiệu quả điều trị, cai nghiện ma túy, phục hồi chức năng cho người nghiện ma túy. Ứng dụng điều trị thay thế chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone đối với những người nghiện nặng.

4.4. Thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho người nghiện ma túy hoàn thành xong quy trình cai nghiện ma túy đảm bảo chặt chẽ, gắn với trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn ở cơ sở; đưa vào danh sách quản lý người nghiện ma túy mới phát hiện bổ sung và đưa ra khỏi danh sách quản lý người đã cai được ma túy để thường xuyên nắm chắc số người nghiện ma túy thực tế trên từng địa bàn.

5. Giữ vững và xây dựng xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; trường học không có ma túy.

5.1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện đề án giữ vững và xây dựng xã, phường, thị trấn, bản, tiểu khu, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học đạt tiêu chuẩn không có ma túy hoặc cơ bản đạt tiêu chuẩn 04 không về ma túy đến năm 2015; giao chỉ tiêu hàng năm đối với việc giữ vững và xây dựng xã, phường, thị trấn, bản, tiểu khu, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn không có ma túy hoặc cơ bản đạt tiêu chuẩn 04 không về ma túy.

5.2. Hàng năm, thực hiện ký kết giao ước thi đua và tổ chức đánh giá thẩm định kết quả thực hiện cam kết về giữ vững và xây dựng cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp, xã, phường, thị trấn, bản, tiểu khu, tổ dân phố, chi đoàn, chi hội, tổ chức công đoàn cơ sở đạt tiêu chuẩn không có ma túy.

5.3. Gắn việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nội dung xây dựng cơ quan, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể, trường học, xã, phường, thị trấn, bản, tiểu khu, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn không có ma túy với thực hiện cuộc vận động, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá.

B. CHÍNH SÁCH

I. Trách nhiệm đóng góp và được miễn của người cai nghiện ma túy tự nguyện, người sau cai nghiện ma túy.

1. Trách nhiệm đóng góp của người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện.

1.1. Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác: 500.000 đồng/người/đợt điều trị.

1.2. Tiền quần áo: 200.000 đồng/người/đợt điều trị (đối với đợt điều trị là ≤ 12 tháng), 400.000 đồng/người/đợt điều trị (đối với đợt điều trị từ 13 tháng đến 24 tháng).

1.3. Tiền sinh hoạt văn thể: 60.000 đồng/người/đợt điều trị.

1.4. Tiền xây dựng cơ sở vật chất: 100.000 đồng/người/đợt điều trị.

1.5. Tiền học văn hoá, học nghề (nếu có nhu cầu): 500.000 đồng/người/đợt điều trị.

1.6. Tiền điện, nước, vệ sinh: 50.000 đồng/người/tháng.

1.7. Chi phí quản lý và phục vụ: 30.000 đồng/người/tháng.

1.8. Tiền ăn: 450.000 đồng/người/tháng.

1.9. Tiền xét nghiệm ma túy và các xét nghiệm khác: 50.000 đồng/người/đợt điều trị

2. Người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm Giáo dục lao động, Cơ sở y tế công lập trong tỉnh được xét miễn toàn bộ tiền ăn và chi phí chữa trị, cai nghiện, như sau:

2.1. Người thuộc đối tượng hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.

2.2. Người không có nơi cư trú nhất định mà bản thân không có điều kiện đóng góp hoặc không xác định được thân nhân của người đó hoặc người giám hộ (đối với người chưa thành niên).

2.3. Người nghiện ma túy thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Người thuộc đối tượng gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

3. Trách nhiệm đóng góp của người sau khi hoàn thành cai nghiện ma túy (tại cơ sở quản lý sau cai).

3.1. Tiền ăn: 90.000 đồng/người/tháng.

3.2. Sinh hoạt văn thể: 10.000 đồng/người/năm.

3.3. Tiền học văn hoá, học nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu): 500.000 đồng/lần chấp hành.

3.4. Khám chữa bệnh thông thường: 100.000 đồng/người/năm.

3.5. Chi phí mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: 100.000 đồng/người/lần chấp hành.

3.6. Trường hợp người sau cai nghiện ma túy hoàn cảnh gia đình khó khăn không đảm bảo đóng góp theo quy định (có xác nhận của xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố) và cơ sở quản lý sau cai mới thành lập, hoạt động kinh doanh chưa có thu nhập, thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản đóng góp trên.

II. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Giáo dục lao động.

1. Hỗ trợ người nghiện ma túy bị bắt buộc đưa vào Trung tâm Giáo dục Lao động theo quyết định của UBND huyện, thành phố; người nghiện ma túy bị bắt tại các điểm tệ nạn xã hội đưa ngay vào Trung tâm Giáo dục Lao động (hoàn tất hồ sơ theo hướng dẫn của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội), hỗ trợ theo thời gian thực tế tại Trung tâm Giáo dục lao động, tối đa là 24 tháng:

1.1. Tiền điện, nước, vệ sinh: 70.000 đồng/người/tháng.

1.2. Tiền quần áo: 200.000 đồng/người/đợt điều trị (đối với đợt điều trị là ≤ 12 tháng), 400.000 đồng/người/đợt điều trị (đối với đợt điều trị từ 13 tháng đến 24 tháng).

1.3. Người tái nghiện ma túy có quyết định của UBND huyện, thành phố cai tái nghiện bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục Lao động được hỗ trợ các chi phí cai tái nghiện.

1.4. Hỗ trợ tiền ăn mức 20.000 đồng/người/ngày (tương đương 600.000 đồng/tháng) đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm trong thời gian chấp hành quyết định.

1.5. Tiền trang cấp vật dụng cá nhân: 200.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

1.6. Tiền hoạt động văn thể: 60.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

1.7. Tiền vệ sinh phụ nữ: 20.000 đồng/người/tháng.

1.8. Chi phí học nghề: Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm, nếu chưa qua đào tạo nghề, có nhu cầu học nghề được hỗ trợ kinh phí học nghề trình độ sơ cấp nghề mức tối đa 2.000.000 đồng/người/khóa học. Mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian học nghề thực tế; không hỗ trợ tiền học nghề cho những đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm từ lần thứ hai trở đi.

1.9. Tiền ăn đường: 40.000 đồng/ngày/người (tối đa 3 ngày).

1.10. Tiền vé xe: Theo giá phương tiện phổ thông.

1.11. Hỗ trợ mai táng phí đối với người nghiện ma túy đang cai nghiện tử vong tại các Trung tâm Giáo dục Lao động trên địa bàn tỉnh, như sau:

a) Đối với học viên tử vong không có thân nhân hoặc thân nhân không đến kịp, mức hỗ trợ chi phí mai táng tối đa 5.000.000 đồng/ca tử vong.

b) Đối với học viên tử vong có thân nhân đến đưa về gia đình, hỗ trợ chi phí mai táng cho gia đình tối đa 3.000.000 đồng/ca tử vong.

c) Đối với các trường hợp cần trưng cầu giám định pháp y để xác định nguyên nhân tử vong thì ngân sách địa phương hỗ trợ các Trung tâm thanh toán chi phí giám định pháp y theo quy định của Nhà nước.

1.12. Hỗ trợ tiền điều trị cho người nghiện ma túy bị bắt buộc đưa vào Trung tâm Giáo dục Lao động theo quyết định của UBND huyện, thành phố; người nghiện ma túy bị bắt tại các điểm tệ nạn xã hội đưa ngay vào Trung tâm Giáo dục Lao động.

- Đối với người nghiện ma túy được hỗ trợ thuốc hỗ trợ cắt cơn, cấp cứu, chi phí xét nghiệm và thuốc điều trị các bệnh cơ hội khác: Mức 650.000đồng/người/lần chấp hành quyết định.

- Đối với người bán dâm được hỗ trợ thuốc điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục, thuốc chữa bệnh thông thường, xét nghiệm và các chi phí y tế khác: Mức 300.000đồng/người/ lần chấp hành quyết định.

- Trường hợp người bán dâm đồng thời là người nghiện ma túy thì được hỗ trợ thuốc điều trị và thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện: mức 950.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

- Đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm, người tự nguyện, người lưu trú tạm thời tại Trung tâm bị nhiễm HIV/AIDS được trợ cấp thêm tiền thuốc chữa bệnh, tiền mua sắm các vật dụng phòng, chống lây nhiễm HIV và các khoản chi hỗ trợ khác (trừ tiền ăn, tiền thuốc chữa trị và cai nghiện) theo quy định tại Quyết định số 96/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, chăm sóc, tư vấn điều trị cho người nhiễm HIV và phòng lây nhiễm HIV tại các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, Trung tâm, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam và các văn bản hướng dẫn quyết định.

2. Chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở quản lý sau cai

2.1. Tiền ăn: 510.000 đồng/tháng.

2.2. Tiền học nghề: Nếu chưa qua đào tạo nghề có nhu cầu học nghề được hỗ trợ kinh phí học nghề với trình độ sơ cấp nghề: 1.5000.000 đồng/người/lần (chỉ áp dụng đối với học viên quản lý sau cai lần đầu).

2.3. Trang cấp vật dụng cá nhân: 300.000 đồng/người/lần chấp hành.

2.4. Điện, nước sinh hoạt : 70.000 đồng/người/tháng.

2.5. Tiền vệ sinh phụ nữ : 20.000 đồng/người/tháng.

2.6. Khám chữa bệnh thông thường: 30.000 đồng/người/tháng.

2.7. Sinh hoạt văn thể : 50.000 đồng/người/năm.

2.8. Tiền ăn đường : 40.000 đồng/ngày/người (tối đa 02 ngày).

2.9. Tiền vé xe: Theo giá phương tiện phổ thông.

2.10. Tiền mai táng phí:

a) Đối với học viên tử vong không có thân nhân hoặc thân nhân không đến kịp, mức hỗ trợ chi phí mai táng tối đa 5.000.000 đồng/ca tử vong.

b) Đối với học viên tử vong có thân nhân đến đưa về gia đình, hỗ trợ chi phí mai táng cho gia đình tối đa 3.000.000 đồng/ca tử vong.

c) Đối với các trường hợp cần trung cầu giám định pháp y để xác định nguyên nhân tử vong thì ngân sách địa phương hỗ trợ các Trung tâm thanh toán chi phí giám định pháp y theo quy định của Nhà nước.

3. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Trung tâm

3.1. Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác: 150.000 đồng/người/đợt điều trị.

3.2. Tiền xây dựng cơ sở vật chất: 100.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

3.3. Tiền học văn hóa, học nghề được hỗ trợ kinh phí học nghề với trình độ sơ cấp nghề (nếu bản thân đối tượng có nhu cầu): 1.500.000 đồng/người/đợt điều trị.

3.4. Điện, nước, vệ sinh: 20.000 đồng/người/đợt điều trị.

3.5. Tiền ăn: 150.000 đồng/người/tháng.

III. Hỗ trợ kinh phí đối với người nghiện ma túy điều trị cắt cơn nghiện ma túy tại Trại tạm giam; tại cơ sở y tế; tại gia đình và cộng đồng, điểm tập trung, người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

1. Người nghiện ma túy tập trung cắt cơn nghiện bằng phương pháp điện châm tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, được hỗ trợ chi phí điều trị là 300.000 đồng/người/đợt điều trị, tiền ăn 20.000 đồng/người/ngày; trường hợp không đủ sức khỏe để điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy bằng thuốc hướng thần hoặc phương pháp điện châm thì được cấp kinh phí mua các loại thuốc khác để điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy tại Bệnh viện Y học cổ truyền theo phác đồ được Bộ Y tế cho phép.

2. Người nhà đi chăm sóc người nghiện ma túy không đủ sức khỏe hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy bằng thuốc hướng thần, đến kiểm tra sức khỏe và điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh được hỗ trợ tiền ăn 20.000 đồng/người/ngày (Chỉ hỗ trợ cho 01 người nhà và trong thời gian người nghiện ma túy điều trị tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh).

3. Người nghiện ma túy cắt cơn nghiện tại cộng đồng, điểm tập trung theo quy trình của tỉnh, được hỗ trợ chi phí điều trị: 100.000 đồng/người/đợt điều trị (gồm tiền thuốc điều trị, tiền điện, nước, vệ sinh); tiền thăm hỏi 30.000 đồng/người/đợt điều trị; tiền ăn 20.000 đồng/người/ngày.

4. Người nghiện ma túy cắt cơn nghiện tại gia đình theo quy trình của tỉnh, được hỗ trợ tiền thuốc điều trị 70.000 đồng/người/đợt điều trị; tiền thăm hỏi 30.000 đồng/người/đợt điều trị; tiền ăn 90.000 đồng/người/đợt điều trị.

5. Người nghiện ma túy cắt cơn nghiện bằng thuốc hướng thần trong thời gian bị tạm giam, giữ tại Trại tạm giam, Nhà tạm giữ của cơ quan Công an, được hỗ trợ tiền thuốc cắt cơn nghiện: 70.000 đồng/người/đợt điều trị.

6. Người nghiện ma túy sau khi điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện, tiếp tục thực hiện quy trình quản lý sau cai tại gia đình và cộng đồng, không tái nghiện

được hỗ trợ tiền ăn 3.000 đồng/người/ngày và tiền thăm hỏi 20.000 đồng/người/quý trong thời gian tối đa 12 tháng.

7. Chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

7.1. Hỗ trợ đối với người được phân công trực tiếp tham gia quản lý sau cai nghiện ma túy tư vấn về tâm lý, xã hội cho người sau cai nghiện ma túy:

a) Mức hỗ trợ: 20.000 đồng/buổi tư vấn/người sau cai nghiện ma túy.

b) Mức hỗ trợ: 30.000 đồng/buổi tư vấn/nhóm người sau cai nghiện ma túy (từ hai người trở lên).

7.2. Hỗ trợ 1 lần kinh phí học nghề trình độ sơ cấp: 1.000.000 đồng/người (Nếu có nhu cầu và chưa được hỗ trợ dạy nghề trong thời gian cai nghiện tại Trung tâm giáo dục lao động trên địa bàn tỉnh).

8. Nội dung, mức chi cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng:

a) Chi lập, thẩm tra hồ sơ cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng; lập hồ sơ cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng: 30.000 đồng/hồ sơ.

b) Chi họp thẩm tra, xét duyệt hồ sơ đề nghị cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng:

- Thành viên tham dự 50.000 đồng/người/buổi.

- Chi nước uống cho người tham dự: 10.000 đồng/người/buổi.

c) Chi hỗ trợ cho cán bộ làm công tác phòng, chống ma túy khi tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ, tư vấn, hỗ trợ người cai nghiện như sau:

- Chi hỗ trợ công tác quản lý: Văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, thống kê, lập danh sách, quản lý hồ sơ người cai nghiện ma túy. Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi hỗ trợ cán bộ tham gia công tác điều trị, quản lý, bảo vệ người cai nghiện ma túy trong thời gian điều trị cắt cơn nghiện ma túy bắt buộc tập trung tại cộng đồng với mức 50.000 đồng/người/ngày.

- Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn về tâm lý, xã hội cho người cai nghiện ma túy với mức như sau:

+ Mức chi: 50.000 đồng/buổi tư vấn/người cai nghiện ma túy;

+ Mức chi: 70.000 đồng/buổi tư vấn/nhóm người cai nghiện ma túy (từ hai người trở lên).

IV. Hỗ trợ giải quyết việc làm: Người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy chấp hành xong quy trình cai nghiện của tỉnh (cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục Lao động, cộng đồng), đã được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành xong quy trình cai nghiện ma túy chưa có việc làm; giao Thường trực HĐND tỉnh thống nhất với UBND tỉnh thực hiện thí điểm, xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp trình HĐND tỉnh quyết định.

V. Hỗ trợ kinh phí cưỡng chế (bao gồm cả người tái nghiện): Kinh phí đưa người chưa được hỗ trợ cắt cơn nghiện, người đã được hỗ trợ cắt cơn cai nghiện tại cộng đồng vào cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục Lao động đối với 01 người nghiện ma túy (chỉ trả cho tổ chức và cá nhân trực tiếp thực hiện; không áp dụng đối với trường hợp cai nghiện tự nguyện).

1. Mức hỗ trợ cho 01 lần cưỡng chế/01 người nghiện ma túy từ các vùng

1.1. Hỗ trợ cưỡng chế người nghiện ma túy vào cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục Lao động huyện, thành phố

a) Vùng I : 600.000 đồng/người.

b) Vùng II : 800.000 đồng/người.

c) Vùng III : 1.000.000 đồng/người.

1.2. Hỗ trợ cưỡng chế người nghiện ma túy thuộc thành phố Sơn La vào cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục Lao động tỉnh: 900.000 đồng/người.

1.3. Hỗ trợ cưỡng chế người nghiện ma túy thuộc các huyện Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Yên Châu vào cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục Lao động tỉnh:

a) Vùng I : 900.000 đồng/người.

b) Vùng II : 1.100.000 đồng/người.

c) Vùng III : 1.300.000 đồng/người.

1.4. Hỗ trợ cưỡng chế người nghiện ma túy thuộc các huyện Bắc Yên, Mộc Châu, Vân Hồ vào cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục Lao động tỉnh:

a) Vùng I : 1.100.000 đồng/người.

b) Vùng II : 1.300.000 đồng/người.

c) Vùng III : 1.500.000 đồng/người.

1.5. Hỗ trợ cưỡng chế người nghiện ma túy thuộc các huyện Quỳnh Nhai, Phù Yên và các xã vùng I huyện Sông Mã vào cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục Lao động tỉnh:

a) Vùng I : 1.300.000 đồng/người.

b) Vùng II : 1.500.000 đồng/người.

c) Vùng III : 1.700.000 đồng/người.

1.6. Hỗ trợ cưỡng chế người nghiện ma túy thuộc huyện Sốp Cộp và các xã vùng II, III huyện Sông Mã vào cai nghiện tại Trung tâm Giáo dục Lao động tỉnh:

a) Vùng II : 1.700.000 đồng/người.

b) Vùng III : 1.900.000 đồng/người.

1.7. Đơn vị thực hiện cưỡng chế từ 01 - 04 người nghiện/01 lần được vận dụng thanh toán tối đa không quá 1,5 lần so với mức tiền hỗ trợ cưỡng chế đi cai nghiện tại Trung tâm giáo dục lao động quy định tại Điểm 1, Mục V, Phần B, Điều 1 Nghị quyết này.

1.8. Đơn vị tổ chức cưỡng chế người nghiện, người tái nghiện đi cai nghiện tại các Trung tâm giáo dục lao động, trên đường bỏ trốn khi chưa bàn giao cho Trung tâm giáo dục lao động, được hỗ trợ kinh phí theo chi phí thực tế tổ chức cưỡng chế đến nơi đối tượng bỏ trốn nhưng tối đa bằng 1/2 mức quy định tại Điểm 1, Mục V, Phần B, Điều 1 Nghị quyết này.

1.9. Đối với người nghiện ma túy, người tái nghiện thuộc đối tượng cưỡng chế đã bàn giao cho các Trung tâm giáo dục lao động thực hiện cắt con, cai nghiện, nhưng bỏ trốn lần 1 cho phép vận dụng bằng 1/2 mức tiền quy định tại Điểm 1, Mục V, Phần B, Điều 1, Nghị quyết này. Các trường hợp để học viên bỏ trốn từ lần 2 trở lên (sau khi đã thanh toán kinh phí truy tìm lần 1) các Trung tâm giáo dục lao động phải tự túc kinh phí truy tìm.

2. Nội dung hỗ trợ

2.1. Kinh phí hoàn tất thủ tục hồ sơ, mức tối đa 50.000 đồng/1 hồ sơ/1 người.

2.2. Số tiền hỗ trợ còn lại xác định là 100% được phân chia như sau:

a) 80% cho công tác trực tiếp đưa người nghiện vào cắt con nghiện tại Trung tâm Giáo dục lao động, bao gồm: Thuê phương tiện; tiền ăn học viên; công tác quản lý, bồi dưỡng cán bộ trực tiếp thực hiện.

b) 20% chi hợp Ban chỉ đạo (hợp triển khai, rút kinh nghiệm) và khuyến khích, khen thưởng tập thể và cá nhân có thành tích trong thực hiện đưa người nghiện mới phát hiện cắt con nghiện tại Trung tâm Giáo dục lao động (cấp huyện, xã).

3. Kinh phí đưa người sau cai tại các Trung tâm Giáo dục lao động huyện đến quản lý sau cai tại Trung tâm giáo dục lao động tỉnh:

a) Chi cho người được giao nhiệm vụ đưa người sau cai đến Trung tâm: Chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

b) Hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng trong những ngày đi trên đường 40.000 đồng/ngày.

c) Chi phí tiền tàu xe hoặc chi phí thuê mướn phương tiện vận chuyển. Mức chi theo giá cước vận tải áp dụng tại địa phương hoặc chi phí thực tế (nếu đơn vị tự bố trí phương tiện vận chuyển) hoặc hợp đồng thuê xe (nếu thuê ngoài).

VI. Hỗ trợ kinh phí đưa, đón người nghiện ma túy mới được phát hiện đến cắt con nghiện tại bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh

1. Mức chi hỗ trợ

1.1. Tại thành phố Sơn La: 100.000 đồng/người.

1.2. Tại các huyện Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Yên Châu:

- a) Vùng I : 150.000 đồng/người
- b) Vùng II : 200.000 đồng/người
- c) Vùng III : 250.000 đồng/người

1.3. Tại các huyện Bắc Yên, Mộc Châu, Vân Hồ:

- a) Vùng I : 200.000 đồng/người.
- b) Vùng II : 250.000 đồng/người.
- c) Vùng III : 300.000 đồng/người.

1.4. Tại các huyện Quỳnh Nhai, Sông Mã, Phù Yên:

- a) Vùng I : 250.000 đồng/người.
- b) Vùng II : 300.000 đồng/người.
- c) Vùng III : 350.000 đồng/người.

1.5. Tại huyện Sốp Cộp:

- a) Vùng II : 400.000 đồng/người
- b) Vùng III : 500.000 đồng/người

2. Nội dung hỗ trợ

2.1. Kinh phí hoàn tất thủ tục hồ sơ, mức tối đa 50.000 đồng/1 hồ sơ/1 người.

2.2. Số tiền hỗ trợ còn lại xác định là 100% được phân chia như sau:

a) 80% cho công tác trực tiếp đưa người nghiện vào cắt cơn nghiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh, bao gồm: Thuê phương tiện; tiền ăn học viên; công tác quản lý, bồi dưỡng cán bộ trực tiếp thực hiện.

b) 20% chi hợp Ban Chỉ đạo (hợp triển khai, rút kinh nghiệm) và khuyến khích, khen thưởng tập thể và cá nhân có thành tích trong thực hiện đưa người nghiện mới phát hiện cắt cơn nghiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh (cấp huyện, cấp xã).

VII. Hỗ trợ kinh phí đưa, đón người nghiện ma túy không đủ sức khỏe cắt cơn nghiện ma túy bằng thuốc hướng thần, đến kiểm tra sức khỏe và điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh bằng phương pháp điện châm.

1. Mức hỗ trợ

1.1. Tại thành phố Sơn La: 900.000 đồng/người.

1.2. Tại các huyện Mai Sơn, Mường La, Thuận Châu, Yên Châu:

- a) Vùng I : 900.000 đồng/người.
- b) Vùng II : 1.100.000 đồng/người.
- c) Vùng III : 1.300.000 đồng/người.

1.3. Tại các huyện Bắc Yên, Mộc Châu, Vân Hồ:

- a) Vùng I : 1.100.000 đồng/người.
- b) Vùng II : 1.300.000 đồng/người.
- c) Vùng III : 1.500.000 đồng/người.

1.4. Tại các huyện Quỳnh Nhai, Sông Mã, Phù Yên:

- a) Vùng I : 1.300.000 đồng/người.
- b) Vùng II : 1.500.000 đồng/người.
- c) Vùng III : 1.700.000 đồng/người.

1.5. Tại huyện Sốp Cộp:

- a) Vùng II : 1.700.000 đồng/người.
- b) Vùng III : 1.900.000 đồng/người.

2. Nội dung hỗ trợ

2.1. Kinh phí hoàn tất thủ tục hồ sơ, mức tối đa 50.000 đồng/1 hồ sơ/1 người.

2.2. Số tiền hỗ trợ còn lại xác định là 100% được phân chia như sau:

a) 80% cho công tác trực tiếp đưa người nghiện vào cắt cơn nghiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh, bao gồm: Thuê phương tiện; tiền ăn học viên; công tác quản lý, bồi dưỡng cán bộ trực tiếp thực hiện.

b) 20% chi hợp Ban Chỉ đạo (hợp triển khai, rút kinh nghiệm) và khuyến khích, khen thưởng tập thể và cá nhân có thành tích trong việc đưa người nghiện đến cắt cơn nghiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh (cấp huyện, cấp xã).

VIII. Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng tham gia công tác phòng chống ma túy

1. Hỗ trợ cán bộ cơ sở thực hiện hiệu quả công tác vận động, giáo dục, thuyết phục người mắc nghiện ma túy tự nhận và đồng ý chữa trị, cắt cơn nghiện ma túy (không phải xét nghiệm ma túy), mức 30.000 đồng/người tự nhận nghiện ma túy.

2. Khoán chi phí gián tiếp đối với mỗi người nghiện ma túy được điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện (để bồi dưỡng những người tham gia trong quá trình chữa trị cai nghiện ma túy, thuê địa điểm cai nghiện):

2.1. Tại gia đình: 80.000 đồng/người/đợt điều trị.

2.2. Tại cộng đồng, điểm tập trung: 170.000 đồng/người/đợt điều trị.

2.3. Tại Trại tạm giam của cơ quan Công an: 30.000 đồng/người/đợt điều trị.

3. Hỗ trợ kinh phí ngoài lương, trợ cấp và phụ cấp cho cán bộ chuyên trách thực hiện công tác phòng chống ma túy của Ban chỉ đạo 2968 cấp huyện, cấp tỉnh bằng 0,5 mức lương cơ sở.

4. Cán bộ, viên chức làm việc tại các khoa chữa trị, cai nghiện ma túy của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh trong thời gian trực tiếp chữa trị, hỗ trợ cai

nghiện cho người nghiện ma túy được hưởng chế độ phụ cấp đặc thù theo quy định tại Nghị định số 114/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy, đồng thời được hưởng phụ cấp theo Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với cán bộ, viên chức tại các cơ sở y tế công lập.

5. Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, viên chức tại các Trung tâm giáo dục lao động

5.1. Hỗ trợ tiền may trang phục đối với cán bộ, viên chức tại Trung tâm Giáo dục Lao động tỉnh, huyện và thành phố: 500.000 đồng/người/năm.

5.2. Phụ cấp trực 24/24 giờ đối với cán bộ quản lý trực lãnh đạo, bảo vệ tại các Trung tâm Giáo dục lao động trên địa bàn tỉnh Sơn La, như sau:

a) Trung tâm được xếp hạng I: 30.000đ/người/phiên trực.

b) Trung tâm được xếp hạng II, hạng III: 20.000đ/người/phiên trực.

(Định mức nhân lực trong phiên trực 24/24 giờ theo quy định tại Thông tư số 18/2004/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2004).

5.3. Chi phụ cấp ưu đãi nghề đối với cán bộ viên chức làm công tác quản lý không trực tiếp làm chuyên môn y tế, dạy văn hoá, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách tại các Trung tâm Giáo dục lao động bằng 35% hệ số lương hiện hưởng (Cách tính phụ cấp theo quy định tại Thông tư số 13/2007/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2007).

5.4. Hỗ trợ phụ cấp thu hút đặc thù đối với cán bộ viên chức làm việc tại Trung tâm Giáo dục lao động trên địa bàn tỉnh Sơn La: 1.000.000 đồng/người/tháng.

6. Hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia phòng chống ma túy trong khi thi hành công vụ bị phơi nhiễm HIV do tai nạn, rủi ro nghề nghiệp, mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/ lượt phơi nhiễm.

7. Hỗ trợ cho tập thể, cá nhân có công phát hiện và tham gia triệt phá diện tích trồng, tái trồng cây thuốc phiện:

7.1. Hỗ trợ kinh phí cho tập thể, cá nhân có công phát hiện diện tích trồng, tái trồng cây thuốc phiện, mức hỗ trợ từ 2.000.000 đồng/người đến 15.000.000 đồng/người (Mức chi cụ thể do UBND tỉnh quyết định tùy theo diện tích phát hiện).

7.2. Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia triệt phá diện tích trồng, tái trồng cây thuốc phiện, mức hỗ trợ: 200.000 đồng/người/ngày.

7.3. Chi hỗ trợ công tác thu gom, tiêu huỷ cây thuốc phiện sau khi triệt phá:

a) Định mức nhiên liệu tiêu huỷ: 0,17 lít dầu hoả/m² (Diện tích trồng cây thuốc phiện đã triệt phá, được thu gom để tiêu huỷ)

b) Chi phí thu gom, tiêu huỷ: Mức hỗ trợ 100.000 đồng/người/buổi cho lực lượng trực tiếp tham gia tiêu huỷ cây thuốc phiện sau triệt phá.

8. Ngoài các mức hỗ trợ theo quy định của Nhà nước, cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia đấu tranh phòng chống ma túy trong khi thi hành công vụ bị thương, hy sinh được hỗ trợ thêm bằng mức quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP của Chính phủ cho trực tiếp cá nhân và thân nhân liệt sỹ.

IX. Hỗ trợ kinh phí tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy

1. Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng thực hiện các biện pháp đấu tranh chống tội phạm ma túy (Lực lượng Công an; Bộ đội biên phòng; Hải quan) bắt giữ và khởi tố bị can theo tội danh quy định tại các Điều 194, 197, 198 hoặc 200 - Bộ Luật Hình sự trên địa bàn tỉnh Sơn La.

1.1. Bắt giữ và khởi tố bị can (ở khu vực 17 xã biên giới của tỉnh), mức hỗ trợ: 7.000.000 đồng/01 bị can.

1.2. Bắt giữ và khởi tố bị can ở các khu vực còn lại, mức hỗ trợ: 6.000.000 đồng/01 bị can.

2. Hỗ trợ cho cán bộ xã, phường, thị trấn và tổ bản trực tiếp tham gia đấu tranh phòng chống ma túy 1.500.000 đồng/01 đối tượng bị bắt giữ và khởi tố theo các tội danh quy định tại các Điều 194, 197, 198, 200 - Bộ Luật Hình sự xảy ra trên địa bàn của xã, phường, thị trấn (trừ trường hợp đối với các đối tượng bị bắt trên đường tuần tra và mở rộng chuyên án ma túy của các cơ quan chức năng).

X. Hỗ trợ công tác phí cho các cán bộ, chiến sĩ phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng chống ma túy ở ngoại biên: Mức hỗ trợ 600.000 đồng/người/ngày. Thời gian, kế hoạch công tác do UBND tỉnh quyết định.

XI. Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo 2968 cấp xã; Hoạt động phòng, chống ma túy của bản, tiểu khu, tổ dân phố; Hoạt động của Ban quản lý người sau cai nghiện ma túy tại cộng đồng và duy trì xây dựng xã, bản không có ma túy; Nhóm liên gia tự quản.

1. Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của Ban quản lý người sau cai nghiện ma túy tại cộng đồng theo Nghị định 94/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ, mức hỗ trợ 100.000 đồng/tháng/ban.

2. Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo 2968 cấp xã; Kinh phí hoạt động cho bản, tiểu khu, tổ dân phố quản lý sau hỗ trợ cắt cơn tại gia đình và cộng đồng không tái nghiện, căn cứ theo số lượng người nghiện ma túy, số tiền khoán chi là 200.000 đồng/người/năm đối với các xã đặc biệt khó khăn và 100.000 đồng/người/năm đối với các xã, phường, thị trấn còn lại, được phân bổ theo tỷ lệ: cấp xã 40%; bản, tiểu khu, tổ dân phố 60%.

3. Hỗ trợ kinh phí cho cấp xã, bản, tiểu khu, tổ dân phố để giữ vững và phấn đấu đạt tiêu chuẩn không có ma túy, mức hỗ trợ theo quy mô bản, tiểu khu, tổ dân phố.

3.1. Hỗ trợ bản, tiểu khu, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn không có ma túy và cơ bản đạt tiêu chuẩn 4 không về ma túy giữ vững và xây dựng đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy.

- a) Loại 1 : 400.000 đồng/năm.
- b) Loại 2 : 350.000 đồng/năm.
- c) Loại 3 và bản không phân loại : 300.000 đồng/năm.

3.2. Hỗ trợ bản, tiểu khu, tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn không có ma túy phấn đấu xây dựng đơn vị đạt chuẩn không có ma túy.

- a) Loại 1 : 1.000.000 đồng/năm.
- b) Loại 2 : 800.000 đồng/năm.
- c) Loại 3 và bản không phân loại : 600.000 đồng/năm.

3.3. Hỗ trợ kinh phí để xã, phường, thị trấn; bản, tiểu khu, tổ dân phố đã được UBND tỉnh công nhận đạt tiêu chuẩn không có ma túy, cơ bản đạt tiêu chuẩn 4 không về ma túy thực hiện các biện pháp giữ vững, xây dựng đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy, mức hỗ trợ như sau:

- a) Xã, phường, thị trấn: 10.000.000 đồng/năm.
- b) Bản, tiểu khu, tổ dân phố: 5.000.000 đồng/năm.

3.4. Đối với “Đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy ” sau khi thẩm định, tụt loại xuống: “Đơn vị cơ bản đạt tiêu chuẩn 4 không về ma túy”: Tiếp tục thực hiện hỗ trợ theo quy định tại Tiết 3.1; 3.3, Điểm 3, Mục XI, Phần B Nghị quyết này.

3.5. Đối với “Đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy” và “Đơn vị cơ bản đạt tiêu chuẩn 4 không về ma túy” sau khi thẩm định tụt loại xuống đơn vị chưa đạt tiêu chuẩn không có ma túy:

- a) Đối với những đơn vị có quyết định tụt loại từ đạt, cơ bản đạt tiêu chuẩn không có ma túy xuống chưa đạt tiêu chuẩn không có ma túy được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Tiết 3.2; Điểm 3, Mục XI, Phần B, Điều 1 Nghị quyết này.
- b) Nếu năm tiếp theo được công nhận là đơn vị đạt hoặc cơ bản đạt tiêu chuẩn không có ma túy được hỗ trợ kinh phí theo quy định tại Tiết 3.1; 3.3 Điểm 3, Mục XI, Phần B, Điều 1 Nghị quyết này.

4. Hỗ trợ kinh phí hoạt động của nhóm liên gia tự quản cho các nội dung chi bao gồm mua sổ, bút, văn phòng phẩm, chè, nước như sau:

- 4.1. Nhóm liên gia tự quản dưới 5 hộ: 200.000 đồng/nhóm/năm.

4.2. Nhóm liên gia tự quản từ 6 hộ đến 10 hộ: 250.000 đồng/nhóm/năm.

4.3. Nhóm liên gia tự quản từ 10 hộ trở lên: 300.000 đồng/nhóm/năm.

XII. Hỗ trợ kinh phí đối với Ban chỉ đạo 2968 cấp xã; bản, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy

1. Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho Ban Chỉ đạo 2968 cấp xã; bản, tiểu khu, tổ dân phố.

2. Mức hỗ trợ kinh phí: Căn cứ theo quy định tại Quyết định số 3122/2010/QĐ-BCA ngày 09 tháng 8 năm 2010 của Bộ Công an. Ngoài hỗ trợ của ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ như sau:

2.1. Xã, phường, thị trấn trọng điểm về ma túy:

a) Trọng điểm loại I : 10.000.000 đồng/xã/năm.

b) Trọng điểm loại II : 8.000.000 đồng/xã/năm.

c) Trọng điểm loại III : 6.000.000 đồng/xã/năm

2.2. Bản, tiểu khu, tổ dân phố trọng điểm về ma túy:

a) Trọng điểm loại I : 2.000.000 đồng/tổ, bản/năm.

b) Trọng điểm loại II : 1.500.000 đồng/tổ, bản/năm.

c) Trọng điểm loại III : 1.000.000 đồng/tổ, bản/năm.

Điều 2. Nguồn kinh phí

Kinh phí hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy được lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, chương trình mục tiêu, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác. Được bố trí trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm và Quỹ phòng, chống ma túy; giao dự toán trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác phòng, chống ma túy và trong dự toán chi ngân sách của ngân sách huyện, thành phố.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014.

Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 03/2011/NQ-HĐND ngày 10/8/2011 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 22/2012/NQ-HĐND ngày 19/9/2012 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2011/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế, chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2015.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh (Khoá XIII), kỳ họp chuyên đề lần thứ ba thông qua ngày 01 tháng 4 năm 2014./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội, Chính phủ;
- UBTC-NS, UBKT của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa, giáo dục, thanh thiếu niên
nhi đồng của Quốc hội;
- VP QH, VP CTN, VP CP; Vụ Công tác đại biểu VPQH;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; LĐTB và XH;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT TU, HĐND, UBND, UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể;
- TT HU, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ, CV VP Tỉnh uỷ; VP UBND tỉnh;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh; Chi cục văn thư lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX 240b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Văn Chất